

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ



TIỂU LUẬN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Đề tài:

**ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VIỆT
NAM DƯỚI GÓC ĐỘ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC
NGOÀI GIAI ĐOẠN 2013- 2014**

Giáo viên hướng dẫn: PGS. TS Vũ Thị Kim Oanh

Sinh viên thực hiện:	1. Trần Thị Quỳnh Như	MSSV: 1211110502
	2. Nguyễn Trung Thành	MSSV: 1211450015
	3. Bùi Văn Thi	MSSV: 1211110623
	4. Trần Thị Hồng Ngoan	MSSV: 1211110474
	5. Dương Hà Thu	MSSV: 1001070094

Lớp: DTU308 (2-1314).1_LT

Nhóm: 17

Hà Nội ngày 06/03/2014

Mục lục

Nội dung	Trang
Lời mở đầu.....	2
Nội dung	3
I. Tổng quan về môi trường đầu tư	3
1. Khái niệm môi trường đầu tư	3
2. Các tiêu chí đánh giá môi trường đầu tư	3
2.1. Các yếu tố kinh tế.....	3
2.2. Các yếu tố Thể Chế - Luật Pháp.....	3
2.3. Các yếu tố văn hóa xã hội.....	4
2.4. Yếu tố công nghệ.....	4
2.5. Yếu tố hội nhập.....	4
II. Đánh giá tình hình môi trường quốc tế của Việt Nam hiện nay dưới góc độ của nhà đầu tư nước ngoài	5
1. Thực trạng môi trường đầu tư của Việt Nam năm 2013-2014.....	5
2. Vị trí của Việt Nam trong các bảng xếp hạng môi trường đầu tư năm 2013.....	6
2.1. Bảng xếp hạng khu vực.....	6
2.2. Bảng xếp hạng thế giới.....	8
3. Thế mạnh của môi trường đầu tư Việt Nam.....	12
4. Các hạn chế của môi trường đầu tư Việt Nam.....	15
III. Các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư Việt Nam	18
Kết luận.....	21

Lời mở đầu

Đầu tư trực tiếp có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của tất cả các nước trên thế giới nói chung và sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn vốn này hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới đều mở cửa thu hút nguồn vốn FDI, nguồn vốn ODA. Tuy nhiên đây lại phụ thuộc vào chính sách phát triển và khả năng phát triển của mỗi nước. Đối với Việt Nam chúng ta cũng vậy, để hoàn thành sự nghiệp Công Nghiệp Hóa – Hiện Đại Hóa của Đảng và nhà nước, nước ta đã chủ trương thực hiện chính sách mở cửa thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài với nhiều hình thức. Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng đã khẳng định vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước. thu hút đầu tư nước ngoài là một trong những chủ trương hàng đầu, góp phần khai thác nguồn lực trong nước, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế. tạo nên sức mạnh phục vụ cho Công Nghiệp Hóa – Hiện Đại Hóa, phát triển đất nước.

Để bắt kịp với quá trình hội nhập, phát triển kinh tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư cho Việt Nam, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Nhóm đã nghiên cứu chọn đề tài: **“Đánh giá môi trường đầu tư Việt Nam dưới góc độ nhà đầu tư nước ngoài giai đoạn 2013- 2014”**

Nội dung

I. Tổng quan về môi trường đầu tư

1. Khái niệm môi trường đầu tư

Môi trường đầu tư là tổng hoà các yếu tố về **pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội** và các yếu tố **cơ sở hạ tầng, năng lực thị trường, lợi thế của một quốc gia** có liên quan, ảnh hưởng **trực tiếp hoặc gián tiếp** đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đầu tư vào quốc gia đó.

2. Các tiêu chí đánh giá môi trường đầu tư

2.1. Các yếu tố kinh tế

- **Tình trạng của nền kinh tế:** Bất cứ nền kinh tế nào cũng có chu kỳ, mỗi giai đoạn nhất định của chu kỳ nền kinh tế, doanh nghiệp sẽ có những quyết định phù hợp cho riêng mình
- **Các yếu tố tác động đến nền kinh tế:** Lãi suất, lạm phát, cán cân thanh toán, thu chi ngân sách quốc gia
- **Các chính sách kinh tế của chính phủ:** Luật tiền lương cơ bản, các chiến lược phát triển kinh tế của chính phủ, các chính sách ưu đãi cho các ngành, giảm thuế, trợ cấp...
- **Triển vọng kinh tế trong tương lai:** Tốc độ tăng trưởng, mức gia tăng GDP, tỉ suất GDP trên vốn đầu tư

2.2. Các yếu tố Thể Chế - Luật Pháp

- **Sự bình ổn:** Xem xét sự bình ổn của các yếu tố chính trị, ngoại giao của thể chế luật pháp. Sự bình ổn cao sẽ tạo điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh và ngược lại.
- **Chính sách thuế:** Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ, thuế thu nhập...

- **Các đạo luật liên quan:** Luật đầu tư, luật doanh nghiệp, luật lao động, luật chống độc quyền, chống bán phá giá...
- **Chính sách:** Các chính sách thương mại, chính sách phát triển ngành, phát triển kinh tế, thuế, các chính sách điều tiết cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng.

2.3. Các yếu tố văn hóa xã hội

Những giá trị văn hóa là những giá trị làm nên một xã hội, có thể vun đắp cho xã hội đó tồn tại và phát triển. Mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ đều có những giá trị văn hóa và các yếu tố xã hội đặc trưng, và những yếu tố này là đặc điểm của người tiêu dùng tại các khu vực đó.

Các yếu tố xã hội thì mang tính quyết định khi các doanh nghiệp nghiên cứu thị trường, bởi đây là yếu tố sẽ chia cộng đồng thành những nhóm khách hàng có đặc điểm, tâm lý, thu nhập khác nhau.

2.4. Yếu tố công nghệ

- **Đầu tư của chính phủ, doanh nghiệp vào công tác R&D:** kết hợp giữa các doanh nghiệp và chính phủ nhằm nghiên cứu đưa ra các công nghệ mới, vật liệu mới
- **Tốc độ, chu kỳ của công nghệ, tỷ lệ công nghệ lạc hậu**
- **Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh**

2.5 Yếu tố hội nhập

- Chính sách kinh tế đối ngoại của chính phủ
- Các rào cản thương mại mà các nhà đầu tư phải vượt qua khi muốn gia nhập thị trường
- Mức độ tham gia vào các tổ chức quốc tế cũng như ký kết các hiệp ước quốc tế

- Độ mở cửa của nền kinh tế, mức độ thu hút đầu tư và đầu tư ra nước ngoài, cán cân thanh toán quốc tế...

II. Đánh giá tình hình môi trường quốc tế của Việt Nam hiện nay dưới góc độ của nhà đầu tư nước ngoài

1. Thực trạng môi trường đầu tư của Việt Nam năm 2013-2014

Cục đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch đầu tư) cho biết đến hết năm 2013, Việt Nam thu hút được gần 22 tỷ đôla vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gồm cả vốn đăng ký mới và vốn tăng thêm. Dòng vốn FDI được đánh giá là thay đổi tích cực cả về chất và lượng, đặc biệt là giải tỏa bớt khó khăn cho nền kinh tế về mặt vốn đầu tư trong bối cảnh 2013 không phải là một năm khả quan. Theo số liệu thống kê, vốn FDI thực hiện trong năm 2013 đạt mức cao nhất kể từ năm 2008 và chất lượng vốn đầu tư cũng được xem là từng bước cải thiện, chẳng hạn, tỷ lệ đầu tư vào các dự án có quy mô lớn với hàm lượng công nghệ cao, công nghệ chế biến và chế tạo đều tăng.

Theo báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài tháng 2/2014 mà Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và đầu tư) vừa công bố, tính đến ngày 20/2/2014 cả nước có tổng cộng 122 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký là 830,87 triệu USD. Con số này chỉ bằng 80,7% so với cùng kỳ năm 2013.

Với 41 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư, tổng vốn đăng ký tăng thêm ở mức 708,79 triệu USD, vốn vện bằng 3% so với cùng kỳ năm 2013. Như vậy, tính chung trong 2 tháng đầu năm 2014, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm vào Việt Nam đạt mức 1,54 tỷ USD, giảm 62,5% so với cùng kỳ năm 2013. Tuy vậy, vốn giải ngân ước đạt 1,12 tỷ USD, vẫn tăng 6,7% với cùng kỳ năm 2013.

Báo cáo cũng cho biết, trong 2 tháng đầu năm 2014, nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 14 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm nhất với 62 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm đạt 1,18 tỷ USD, chiếm 76,5% tổng vốn đầu tư đăng ký trong 2 tháng.

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm ở mức 278,33 triệu USD, chiếm 18,1% tổng vốn đầu tư. Và kể đến là vận tải kho bãi với 9 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 21,75 triệu USD.

Trong tổng số 29 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam thì Hàn Quốc đang chiếm vị trí dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 468,98 triệu USD, chiếm 30,5% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Singapore đứng vị trí thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 264,55 triệu USD, chiếm 17,2% tổng vốn đầu tư. Trong tháng 2/2014, Nhật Bản chỉ đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 263,36 triệu USD, chiếm 17,1% tổng vốn đầu tư.

Hiện tại, trong cán cân thương mại của Việt Nam, khu vực doanh nghiệp FDI vẫn chiếm vị trí "áp đảo" với con số 65,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước 2 tháng đầu năm. Xuất khẩu của khu vực này (kể cả dầu thô) dự kiến đạt 13,86 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2013. Nhập khẩu đạt 11,86 tỷ USD, tăng 17,1% so cùng kỳ và chiếm 56,48% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tính chung 2 tháng, khối doanh nghiệp này đã xuất siêu trên 2 tỷ USD.

2. Vị trí của Việt Nam trong các bảng xếp hạng môi trường đầu tư năm 2013

2.1. Bảng xếp hạng khu vực

Dựa theo bản báo cáo “Asia Pacific Investment Climate Index 2013” của Vriens & Partners, chúng ta có các số liệu chính phân tích chỉ số môi trường đầu tư Châu Á Thái Bình Dương năm 2013.

Chỉ số môi trường đầu tư Châu Á Thái Bình Dương năm 2013

Thứ hạng tổng kết	Quốc Gia	Xếp hạng quy định pháp luật	Xếp hạng mức độ mở cửa KTQT	Xếp hạng ổn định chính trị	Xếp hạng mức áp thuế	Xếp hạng mức độ tham nhũng	Xếp hạng quản trị tài chính tiền tệ	Tổng điểm
1	Singapore	2	2	2	2	2	1	89.8
2	Hong Kong	4	1	5	1	4	3	87.0
3	New Zealand	1	3	1	3	1	6	86.9
4	Australia	3	4	4	10	3	4	81.1
5	Brunei	8	10	3	4	7	2	73.8
6	Đài Loan	6	5	7	7	6	7	73.0
7	Nhật Bản	5	8	6	11	5	11	72.2
8	Hàn Quốc	9	7	8	6	8	5	69.9
9	Malaysia	7	6	9	5	9	9	66.8
10	Thái Lan	10	9	12	9	10	10	57.9
11	Trung Quốc	11	15	10	15	11	8	54.1
12	Philippines	13	11	14	14	13	13	50.0
13	Indonesia	16	12	18	12	16	12	47.7
14	Campuchia	17	14	15	8	17	15	46.3
15	Việt Nam	15	17	11	16	15	16	45.8
16	Sri Lanka	14	13	16	19	12	19	45.1
17	Ấn Độ	12	17	17	18	13	17	44.8
18	Lào	18	20	13	17	19	14	40.8

19	Myanmar	19	16	19	20	18	18	37.9
20	Bangladesh	20	19	20	13	20	20	35.9

So sánh chỉ số này giữa các năm:

Economy	2013	2012	2011
Singapore	1	1	2
Hong Kong	2	2	1
New Zealand	3	3	3
Australia	4	4	4
Brunei	5	n/a	n/a
Taiwan	6	5	6
Japan	7	6	5
South Korea	8	7	8
Malaysia	9	8	7
Thailand	10	10	9
China	11	9	10
Philippines	12	15	15
Indonesia	13	11	12
Cambodia	14	16	17
Vietnam	15	12	14
Sri Lanka	16	14	13
India	17	13	11
Laos	18	17	n/a
Myanmar	19	19	n/a
Bangladesh	20	18	18

Nguồn: Vriens & Partners

Năm 2013, Việt Nam chỉ xếp hạng thứ 15 (tụt 3 hạng so với năm 2012) về tổng điểm đánh giá môi trường đầu tư trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Bảng phân tích này đưa ra xếp hạng về các chỉ số: quy định pháp luật, mức độ mở cửa kinh tế quốc tế, mức độ ổn định chính trị, mức áp thuế, mức độ tham nhũng và mức độ quản lý tài chính tiền tệ.

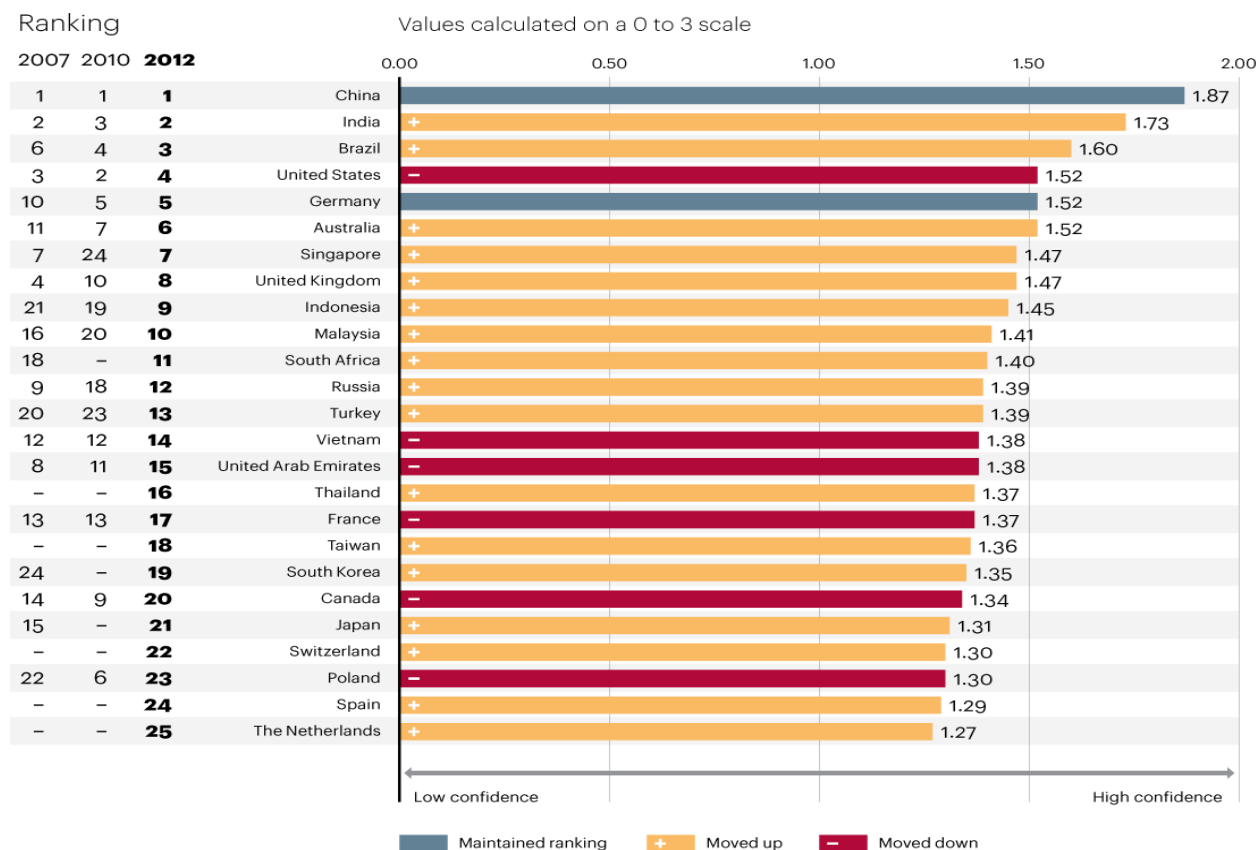
Về tổng điểm, Việt Nam chỉ xếp trên các nước Sri Lanka, Ấn Độ, Lào, Myanmar và Bangladesh. Còn trong các chỉ số đầu tư, chỉ số được đánh giá cao nhất của Việt Nam là mức độ ổn định chính trị (hạng 11/20) và chỉ số bị đánh giá thấp nhất lại chính là mức độ mở cửa kinh tế quốc tế (hạng 17/20).

2.2. Bảng xếp hạng thế giới

Bảng: Chỉ số tin tưởng FDI năm 2012

Figure 1

2012 FDI Confidence Index®



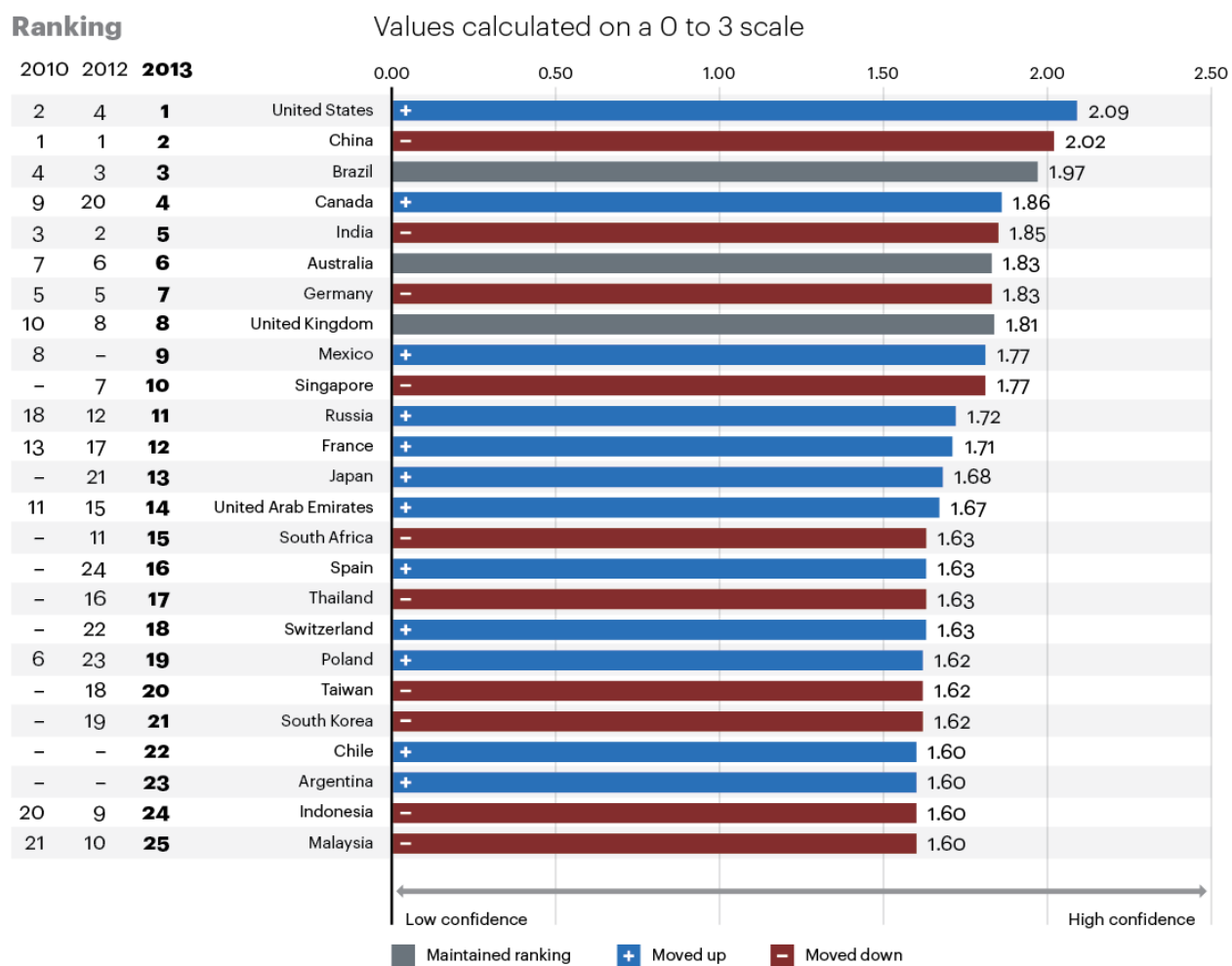
Source: A.T. Kearney Foreign Direct Investment Confidence Index®, 2012

Nguồn: A.T.Kearney Foreign Direct Investment Confidence Index 2012

Theo nghiên cứu về chỉ số tin tưởng FDI năm 2012 của A.T.Kearney, Việt Nam đứng thứ 14/25 và mặc dù tuột 2 hạng so với năm 2010 thì Việt Nam vẫn được đánh giá là một thị trường đầu tư quốc tế có mức tin tưởng cao, vượt trên cả các nước Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản

Bảng: Chỉ số tin tưởng FDI năm 2013

Figure 1
2013 FDI Confidence Index®



Source: A.T. Kearney Foreign Direct Investment Confidence Index®, 2013

Tuy nhiên tới năm 2013, chỉ có duy nhất Việt Nam đã tuột khỏi bảng xếp hạng này trong khi các quốc gia Châu Á khác vẫn trụ lại. Điều này chứng tỏ môi trường đầu tư của Việt Nam đang dần mất đi tính cạnh tranh và giảm mạnh sự thu hút đối với các doanh nghiệp nước ngoài.

Còn trong báo cáo về môi trường kinh doanh toàn cầu Best countries for business 2013 của Global Finance, Việt Nam xếp hạng thứ 99 về mức độ thuận lợi trong kinh doanh trên tổng số 185 nước nghiên cứu (tụt 1 hạng so với năm 2012) và chỉ xếp hạng thứ 108/ 185 (tụt 5 hạng

so với năm 2012) về mức độ thuận lợi khi bắt đầu kinh doanh - bao gồm các yếu tố thủ tục, thời gian, chi phí để đăng ký kinh doanh.

	Economy	2013 Ease of Doing Business	Starting a Business	2012 Ease of Doing Business	Starting a Business	Ease of Doing Business - Rank Change: 2013 over 2012
88	Barbados	88	70			
89	Uruguay	89	39	90	32	1
90	Jamaica	90	21	88	23	-2
91	China	91	151	91	151	0
92	Solomon Islands	92	75	74	110	-18
93	Guatemala	93	172	97	165	4
94	Zambia	94	74	84	69	-10
95	Maldives	95	63	79	59	-16
96	St. Kitts and Nevis	96	69	95	64	-1
97	Morocco	97	56	94	93	-3
98	Kosovo	98	126	117	168	19
99	Vietnam	99	108	98	103	-1
100	Grenada	100	65	73	60	-27
101	Marshall Islands	101	48	106	52	5
102	Malta	102	150			
103	Paraguay	103	111	102	106	-1
104	Papua New Guinea	104	91	101	84	-3

Nguồn: Global Finance

Theo báo cáo thường niên về Môi trường Kinh doanh thế giới 2013 được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 29/10/2013, đây là năm thứ 8 liên tiếp, Singapore giữ vị trí đầu bảng xếp hạng của WB. Góp mặt trong top 10 nền kinh tế có môi trường kinh doanh tốt nhất còn có sự hiện diện của Malaysia với vị trí thứ 6, Thái Lan vị trí thứ 18. Trái ngược với đà bứt phá mạnh mẽ của các nước láng giềng, môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn bị đánh giá là chưa có biến chuyển tích cực nào.

Điều đáng nói là trong số 10 chỉ tiêu đánh giá của WB, có tới 7 chỉ tiêu bị rớt điểm. Trong đó, riêng lĩnh vực nộp thuế tụt 11 bậc, từ xếp hạng 138 trên 183 quốc gia, xuống vị trí 149 trên 189 quốc gia. Ngoài ra, nhiều chỉ tiêu khác lại bị đánh giá ở mức cực kỳ thấp, thậm chí là gần như đội sổ toàn cầu. Ví dụ: tiêu chí xếp thành lập doanh nghiệp xếp hạng thứ 109/189, tiêu chí về cấp điện xếp hạng 156/189, tiêu chí về bảo vệ đầu tư đứng thứ 157/189,

và tiêu chí xử lý doanh nghiệp mất khả năng thanh toán đứng thứ 149/189... Chi tiết xếp hạng các chỉ số:

Các tiêu chí đánh giá	Năm 2013 (trên 189 nước)	Năm 2012 (trên 183 nước)
Mức độ thuận lợi kinh doanh	99	99
1. Thành lập doanh nghiệp	109	108
2. Cấp phép xây dựng	29	28
3. Tiếp cận điện năng	156	155
4. Đăng kí tài sản	51	48
5. Vay vốn tín dụng	42	40
6. Bảo vệ nhà đầu tư	157	169
7. Nộp thuế	149	138
8. Thương mại quốc tế	65	74
9. Thực thi hợp đồng	46	44
10. Xử lý doanh nghiệp mất khả năng thanh toán	149	149

Nguồn: World Bank

3. Thế mạnh của môi trường đầu tư Việt Nam

- **Về chính trị:** Môi trường chính trị Việt Nam được đánh giá là tương đối ổn định. Theo báo cáo Chỉ số Hòa Bình toàn cầu năm 2013 của Viện Kinh tế và Hòa Bình, Việt Nam xếp hạng thứ 41/158 nước và vùng lãnh thổ và được đánh giá cao về ổn định chính trị.
- **Về pháp luật:**
 - Bên cạnh việc ban hành những văn bản Luật doanh nghiệp chung, Luật đầu tư chung, luật kế toán, kiểm toán, Luật cạnh tranh ở cấp độ Nhà nước thì ở cấp Bộ và

thành phố đã ban hành nhiều thông tư hướng dẫn và đặc biệt xây dựng nhiều chương trình, đề án có mục tiêu và nội dung trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng môi trường. Mới đây, vào ngày 19/2/2014, Bộ Kế Hoạch và Đầu tư đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến về Luật Đầu tư sửa đổi nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, minh bạch để thu hút đầu tư; tạo bước chuyển biến mới về cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư; giải quyết những khó khăn trong hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp.

- Các cổng thông tin và cổng đăng ký trực tuyến về đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp được phát triển giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian làm thủ tục hành chính và được cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch hơn. Ngày 14/3/2014, Bộ Ngoại giao, Bộ thông tin truyền thông phối hợp với Văn phòng đại diện Ngân hàng thế giới tại Việt Nam chính thức đưa vào sử dụng hệ thống quản lý cấp thị thực trực tuyến từ nguồn vốn ODA của World Bank.

- Lộ trình điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ 32% (1997) cho đến 25% (2009) và gần đây nhất là 22% (hiệu lực 01.01.2014), 20% (hiệu lực 01.01.2016) đã tạo một bước tiến lớn.

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế giảm thuế đối với các doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá... nhằm thu hút và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư quan tâm đến các lĩnh vực này.

- Luật thuế XNK cho phép miễn thuế trong các trường hợp: hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư... cùng với đó là sự ra đời những hiệp định về ưu đãi thuế xuất nhập khẩu trong phạm vi các nước ASEAN, WTO đã giúp các nhà đầu tư giảm chi phí đầu vào, tăng năng suất sản xuất, xuất khẩu, nâng cao sức cạnh tranh ở thị trường trong nước cũng như quốc tế.

- **Về văn hóa – xã hội:** Theo nhìn nhận của một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, Việt Nam là nước có lực lượng lao động dồi dào và ngày càng được nâng cao chuyên môn tay nghề. Hơn nữa, các nhà đầu tư Nhật Bản còn đánh giá, nhân lực Việt Nam không những dồi dào (63% dân số dưới tuổi 35), lương thuê công nhân rẻ (thu nhập bình quân 100 USD/tháng đối với lao động phổ thông, khoảng 210 USD/tháng với lao động có bằng cấp), giá nhân công Việt Nam đang thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia trong khu vực. và áp lực tăng lương không cao, bước đầu tạo thuận lợi cho những nhà đầu tư mới.

- **Về môi trường kinh tế:**

- Về quan hệ hợp tác song phương, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia trên thế giới, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hoá tới trên 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ¹, ký kết trên 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều Hiệp định hợp tác về văn hoá song phương với các nước và các tổ chức quốc tế²

- Việt Nam đã thiết lập quan hệ tốt với tất cả các nước lớn, trong đó có 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (P5), các nước trong nhóm G8; nâng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc trở thành đối tác chiến lược toàn diện, gia tăng nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược với Nga, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Anh, Tây Ban Nha. Số lượng các cơ quan đại diện ở nước ngoài cũng tăng lên (91 cơ quan) với 65 đại sứ quán, 20 tổng lãnh sự quán, 4 phái đoàn thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế, 1 văn phòng kinh tế văn hóa.

- Lần đầu tiên, Việt Nam được bầu vào Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc với số phiếu cao nhất trong số các nước ứng cử; được đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) niên khóa 2013-2014, tiếp đó là được bầu vào Ủy ban Di sản thế giới của tổ chức UNESCO nhiệm kỳ 2014-2017. Việt Nam sẽ tổ chức hội nghị Liên Nghị viện IPU vào năm 2015. Lần thứ hai trong

¹ Theo các Báo cáo của các Bộ/ngành của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế

² Theo các Báo cáo của các Bộ/ngành của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế

APEC, Việt Nam được tin nhiệm giao đấng cai tổ chức Hội nghị Cấp cao APEC 2017, và hiện nay đang tích cực triển khai cho việc tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, ứng cử lần thứ hai vào Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 – 2021, ứng cử vào Ủy ban Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018).

- **Về khoa học – công nghệ**

- Hiện nay, Việt Nam đào tạo được trên 1,8 triệu cán bộ có trình độ Đại học và cao đấng trở lên với trên 30 nghìn người có trình độ trên đại học. thêm vào đó là khoảng hơn 2 triệu công nhân kỹ thuật, trong ssos có hơn 34 nghìn người trực tiếp làm việc trong lĩnh vực Khoa học – công nghệ thuộc khu vực nhà nước.

- Hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ được tạo lập và ngày càng hoàn thiện với 8 đạo luật chuyên ngành và các văn bản dưới luật, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, Nhà nước cũng ban hành 6 bộ luật về khoa học – công nghệ, trong đó có Luật Năng lượng nguyên tử và công nghệ cao được xem là đầu tiên trên thế giới.

- Việt Nam xây dựng được một mạng lưới các tổ chức Khoa học – công nghệ với trên 1.100 tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có gần 500 tổ chức nước ngoài, 197 trường đại học và cao đấng, hạ tầng của các Viện, trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, các trung tâm thông tin Khoa học – công nghệ, thư viện cũng được tăng cường và nâng cấp.

4. Các hạn chế của môi trường đầu tư Việt Nam

- **Về yếu tố kinh tế:** Trong bảng chỉ số cảm nhận tham nhũng 2013, Việt Nam được 31 điểm, và nằm trong số 69% các quốc gia có điểm số dưới 50. Điều này phản ánh tình trạng “tham nhũng nghiêm trọng” trong giới công chức.

RANK	COUNTRY/TERRITORY	SCORE	RANK	COUNTRY/TERRITORY	SCORE
1	New Zealand	91	53	Malaysia	50
5	Singapore	86	80	China	40
9	Australia	81	83	Mongolia	38
15	Hong Kong	75	91	Sri Lanka	37
18	Japan	74	94	India	36
31	Bhutan	63	94	Philippines	36
36	Taiwan	61	102	Thailand	35
38	Brunei	60	114	Indonesia	32
46	Korea (South)	55	116	Nepal	31
			116	Vietnam	31
			119	Timor-Leste	30
			127	Pakistan	28
			136	Bangladesh	27
			140	Laos	26
			144	Papua New Guinea	25
			157	Myanmar	21
			160	Cambodia	20
			175	Afghanistan	8
			175	Korea (North)	8

The 2013 Corruption Perceptions Index measures the perceived levels of public sector corruption in 177 countries/territories around the world. To see the full results go to:

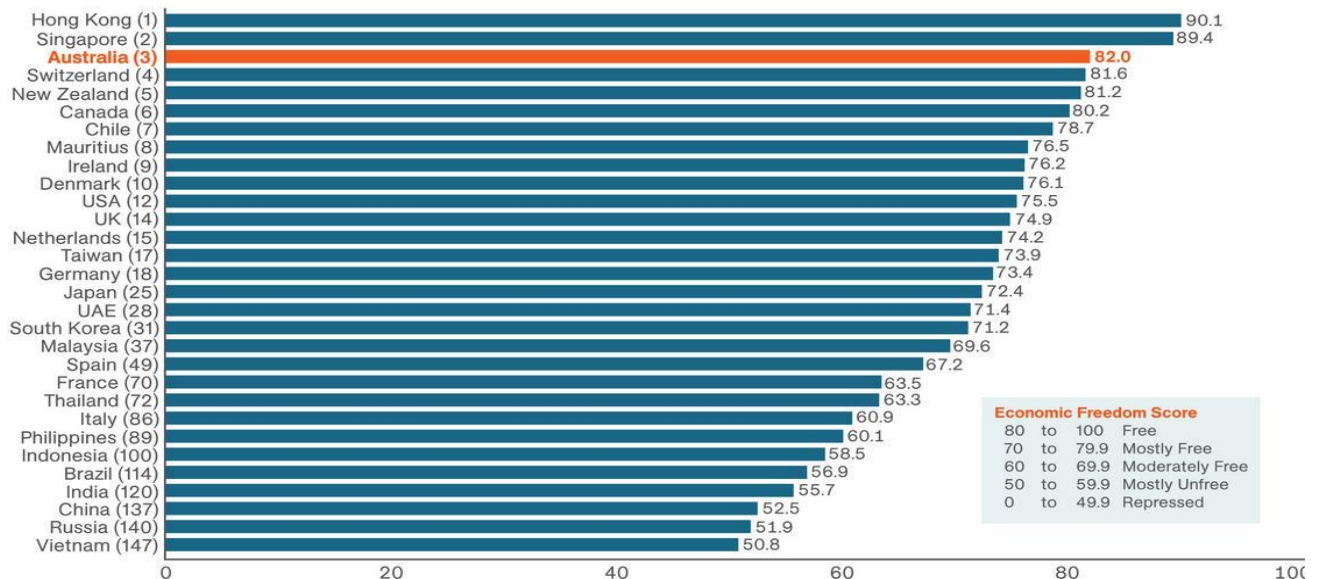
www.transparency.org/cpi

#stopthecorrupt

© 2013 Transparency International. All rights reserved.

Bảng: Xếp hạng mức độ tự do kinh tế 2014

INDEX OF ECONOMIC FREEDOM WORLD RANKING¹ – 2014



1. The 2014 Index of Economic Freedom covers 186 economies and measures 10 components of economic freedom (Business Freedom, Trade Freedom, Fiscal Freedom, Government Spending, Monetary Freedom, Investment Freedom, Financial Freedom, Property Rights, Freedom from Corruption and Labour Freedom). The 10 component scores are equally weighted and averaged to get an overall economic freedom score for each economy. The number in brackets in the chart indicates the country's world ranking.

Sources: The Wall Street Journal and The Heritage Foundation, 2014 Index of Economic Freedom; Austrade

- Về xếp hạng mức độ tự do kinh tế tính tới đầu năm 2014 của Quỹ Di Sản và nhật báo phố Wall, Việt Nam xếp thứ 147 trên tổng số 186 nước trên thế giới. Nhìn vào bảng

xếp hạng dưới đây, với số điểm là 50,8 chứng tỏ mức độ tự do kinh tế ở Việt Nam còn thấp.

- Các hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, xúc tiến đầu tư tại Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu. Hệ thống các công ty tư vấn dịch vụ đầu tư chưa được kiện toàn tăng cường về tổ chức, cán bộ. Phần lớn các công ty này mới tập trung làm các dịch vụ đầu tư thông thường như tổ chức, hướng dẫn đoàn khảo sát, làm thị thực ... chứ chưa đi sâu tư vấn dịch vụ các vấn đề kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật xây dựng dự án và thực hiện dự án sau giấy phép.

• Về Thể Chế - Luật Pháp:

- Về việc chấp hành thủ tục hải quan ở Việt Nam vẫn còn chưa được rõ ràng, minh bạch. Nhiều thương vụ đã không tuân thủ làm đúng theo thủ tục của hải quan như trốn tránh làm thủ tục để lách thuế, xuất nhập khẩu các mặt hàng trái với quy định của pháp luật. Các hàng hóa bị quốc cấm vẫn được xuất khẩu hay nhập khẩu vào Việt Nam. Về phía ngoài nước, làm giảm uy tín của Việt Nam trong con mắt của các nhà đầu tư nước ngoài. Bên trong không chỉ làm rối loạn sự kiểm soát nền kinh tế trong nước, làm mất cân bằng xuất nhập khẩu mà còn gây ra bao nhiêu tệ nạn xã hội.

- Việc kiểm soát biên giới Việt Nam với các nước lân cận cũng chưa có hiệu quả. Nhất là phía bên biên giới giáp Trung Quốc còn nhiều sơ hở để các hàng hóa “lậu” phía bên trong quốc đẩy sang tràn ngập. Hàng hóa Trung Quốc đánh bật các hàng hóa trong nước. Khi các sản phẩm ấy vào trong nước nhiều quá thì nhu cầu về loại hàng hóa đó được đáp ứng tại Việt Nam, nhưng đồng thời nó lại làm mất đi tính năng thu hút đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài về các sản phẩm đó. Làm giảm thu chỉ số đầu tư nước ngoài ở trong nước.

- Một số luật và quy định khác về kinh doanh liên quan nhiều đến đầu tư nước ngoài chưa được ban hành như luật lao động, kinh doanh bất động sản, khai mỏ... Một số chính sách chưa được xác định rõ nên chưa thể chế hoá hoặc đã có chính sách làm cơ sở nhưng văn bản pháp quy ban hành chậm; có tình trạng chông chéo và mâu thuẫn giữa một số văn bản.

• **Về văn hóa – xã hội:** Đối với lực lượng lao động của Việt Nam hiện nay, tác phong làm việc vẫn là một vấn đề nan giải và cần được thay đổi trong nhận thức của từng cá nhân. Có nhiều ý kiến bên các công ty nước ngoài cho thấy, công nhân Việt Nam còn chưa có ý thức làm việc tốt, mặc dù có năng lực làm việc nhưng tinh thần kỷ luật lại chưa cao. Nhiều công ty nước ngoài tuyển lực lượng lao động Việt Nam nhưng không hài lòng về phong cách làm việc với hầu hết là các nguyên do:

- Đi làm không đúng giờ
- Không có ý thức bảo vệ tài sản hàng hóa của công ty
- Thường xuyên làm những việc cản trở sự hoạt động của công ty như: bãi công, biểu tình.

• **Về khoa học – công nghệ:**

- Số lượng cán bộ nghiên cứu và phát triển của Việt Nam dù đã gia tăng nhưng còn rất khiêm tốn so với các nước như Hoa Kỳ (hơn 1,4 triệu người), Trung Quốc (1,2 triệu người), Nhật Bản (656 nghìn người), Nga (442 nghìn người), Đức (327 nghìn người), Hàn Quốc (264 nghìn người), Pháp (234 nghìn người).
- Về chỉ số cạnh tranh toàn cầu, năm 2013, Việt Nam xếp thứ 70/148 quốc gia; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu xếp thứ 76/141 quốc gia. Trong khi Singapore ở tốp 3 thế giới và các nước Malaysia, Thái Lan đều đứng trên Việt Nam.
- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu trong nước được thương mại hóa và ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh rất thấp.

III. Các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư Việt Nam

• **Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư** theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, có tính dự báo, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và có tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

Theo đó, nghiên cứu sửa đổi Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp cho phù hợp bối cảnh mới; rà soát tổng thể hệ thống luật pháp hiện hành liên quan đến đầu tư, kinh doanh theo hướng đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Đầu tư; quy

định rõ hơn những đặc thù về thủ tục và điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài...

- **Điều chỉnh việc quản lý và phân cấp đầu tư** theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo, chịu trách nhiệm của địa phương, đồng thời đảm bảo quản lý thống nhất của trung ương.

Theo đó, cơ quan cấp GCNĐT chủ trì thẩm tra theo quy định hiện hành, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm tra đồng thời gửi Bộ Kế hoạch - Đầu tư để thẩm định độc lập. Trên cơ sở hồ sơ và báo cáo thẩm tra, bộ Kế hoạch - Đầu tư sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, các chuyên gia và nhà khoa học... thẩm định dự án: ảnh hưởng, tác động của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng, quốc gia và các ngành; tính khả thi của các nguồn lực cho dự án (lao động, kết cấu hạ tầng, điện, nguyên liệu...); khả năng huy động vốn...

- **Khắc phục tình trạng chồng chéo, kém hiệu quả trong hoạt động xúc tiến đầu tư:** Bộ Kế hoạch - Đầu tư cần hàng năm và từng thời kỳ dựa trên nhu cầu thực tế ban hành bộ tiêu chí hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư.

Đặc biệt, coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, tăng cường hỗ trợ các dự án đã được cấp GCNĐT để các dự án này triển khai hoạt động một cách thuận lợi, có hiệu quả, tăng cường đối thoại với các nhà đầu tư để giải quyết kịp thời những kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp FDI nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- **Về chính sách ưu đãi đầu tư,** cần được sửa đổi bảo đảm tính hệ thống từ ưu đãi thuế, ưu đãi tài chính đến ưu đãi phi tài chính; thống nhất giữa chính sách thuế và chính sách đầu tư; thực hiện ưu đãi đầu tư có chọn lọc phù hợp với định hướng mới đối với thu hút FDI.

Bổ sung ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp. Bỏ bớt các hạn chế không cần thiết và cho phép tham gia nhiều hơn vào các thị trường vốn, thị trường tài chính trên nguyên tắc hiệu quả nhưng chặt chẽ. Bổ sung tiêu chí để xét ưu đãi đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, dự án có giá trị gia tăng cao, dự án sử

dụng nhiều nguyên liệu, vật tư trong nước và dự án cam kết chuyển giao công nghệ tiên tiến...

- **Về chính sách khuyến khích**, Luật Công nghệ cao sửa đổi sẽ bổ sung quy định về tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế nước ta, có tính đến nhóm dự án có quy mô lớn, doanh thu hàng năm lớn, sử dụng nhiều lao động chất lượng cao...
- **Về đất đai**, thu hẹp sự phân biệt giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước trong việc tiếp cận đất đai; sửa đổi Nghị định 69/2009/NĐ-CP nhằm điều chỉnh giãn lộ trình tăng giá đất, quy định cụ thể hệ số hỗ trợ thu hồi đất; sửa đổi Luật Kinh doanh bất động sản theo hướng tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, mở rộng phạm vi kinh doanh bất động sản đối với nhà đầu tư nước ngoài và bổ sung quy định về hình thức góp vốn bằng quyền phát triển dự án.
- **Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI đào tạo nghề cho người lao động**; tạo thuận lợi hơn đối với việc cấp phép cho lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam trong các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn, trình độ, công nghệ cao mà lao động trong nước chưa đáp ứng được; đồng thời có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đào tạo lao động trong nước thay thế đối với các vị trí nghề nghiệp này.
- **Đẩy mạnh đầu tư phát triển và nghiên cứu công nghệ** bằng cách hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và có cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai một số dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn. Đổi mới hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ và các trường đại học; xây dựng các trung tâm nghiên cứu xuất sắc; nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản và ứng dụng trong các trường đại học.

Kết luận

Có thể thấy rằng chúng ta thu hút đầu tư vào tất cả các lĩnh vực từ cơ sở hạ tầng đến lĩnh vực giáo dục, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... và chúng ta gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể qua những con số về trình độ dân trí, về lượng FDI và ODA vào Việt Nam, về những công trình xây dựng đã và đang được đầu tư và phát triển., về những dự án đang được đầu tư tại Việt Nam...đó là kết quả của quá trình mở cửa, hội nhập, là kết quả của Việt Nam đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu để cải thiện cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được, hoạt động đầu tư nước ngoài còn bộc lộ những hạn chế nhất định, trong đó có cả từ phía quản lý nhà nước. Theo đó, mặc dù có sự hoàn thiện dần về hành lang pháp lý đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, song thể chế chính sách chưa thực sự hoàn chỉnh, thường đi chậm so với thực tế, do đó chưa phát huy tác động một cách mạnh mẽ đến sự phát triển của hoạt động này. Việc quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài còn nhiều bất cập, từ khâu quản lý tiền đầu tư đến khâu hậu kiểm. Việc thực hiện chế độ báo cáo của các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài còn chưa đầy đủ, trong khi đó, lại chưa có các chế tài xử lý việc nhà đầu tư không thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo.

Hy vọng rằng với, những thay đổi đáng kể trong môi trường kinh doanh, Việt Nam sẽ sớm được công nhận là một đất nước có nền kinh tế thị trường hoàn toàn với môi trường đầy cạnh tranh và hấp dẫn.